

Deloitte.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ
VIỆT NAM**

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013
đến ngày 30 tháng 6 năm 2013**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	10 - 45

VIỆT NAM
CÔNG
TAY
VI
LI

1250
NG
HIEM
LOIT
T N
PA - 7

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trịnh Xuân Thanh	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 19 tháng 5 năm 2013)
Ông Bùi Ngọc Thắng	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 19 tháng 5 năm 2013)
Ông Vũ Đức Thuận	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2013)
Ông Trần Minh Ngọc	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2013)
Ông Nguyễn Ngọc Quý	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 19 tháng 5 năm 2013)
Ông Nguyễn Huy Hòa	Ủy viên
Bà Nguyễn Việt Nga	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 19 tháng 5 năm 2013)
Ông Bùi Ngọc Hưng	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 19 tháng 5 năm 2013)
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 19 tháng 5 năm 2013)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Vũ Đức Thuận	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2013)
Ông Trần Minh Ngọc	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2013)
Ông Nguyễn Trung Trí	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duyên Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Đồng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Quốc Dũng	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 02 năm 2013)
Ông Nguyễn Anh Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Tiến Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Ngọc Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Quốc Hoàn	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2013)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc.



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Minh Ngọc
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 9 năm 2013

Số: 436 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã soát xét bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 và thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính riêng") của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty") được lập ngày 30 tháng 9 năm 2013, từ trang 5 đến trang 45. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính riêng này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính riêng theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính riêng không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Tổng Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chúng tôi xin lưu ý người sử dụng báo cáo tài chính riêng đến các vấn đề sau:

Như trình bày tại Thuyết minh số 38 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty đã ký hợp đồng xây lắp trọn gói với Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam. Do có thay đổi về thiết kế và đơn giá, Tổng Công ty đang đề nghị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án. Báo cáo tài chính riêng kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề này.

Như trình bày tại Thuyết minh số 15 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 bao gồm khoảng 141 tỷ VND là giá trị xây dựng cơ bản dở dang của Dự án Khu Công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang. Tháng 6 năm 2013, Tổng Công ty đã có công văn đề nghị PVN cho phép dừng triển khai thực hiện dự án và đề nghị PVN có phương án nhận chuyển giao dự án từ Tổng Công ty. Báo cáo tài chính riêng kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề này.

TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAMTầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013	31/12/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		7.635.544.536.761	7.435.338.409.474
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	280.098.317.604	236.623.367.567
1. Tiền	111		174.914.117.604	176.623.367.567
2. Các khoản tương đương tiền	112		105.184.200.000	60.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	6.215.000.000	70.100.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		20.100.000.000	70.100.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(13.885.000.000)	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.803.534.335.007	5.007.246.388.058
1. Phải thu khách hàng	131	7	533.171.324.273	502.884.041.289
2. Trả trước cho người bán	132	8	4.776.716.301.437	3.671.797.176.920
3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	135	9	1.263.431.762.175	1.407.850.468.767
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(769.785.052.878)	(575.285.298.918)
IV. Hàng tồn kho	140	10	259.128.151.112	356.576.818.140
1. Hàng tồn kho	141		327.892.951.349	356.576.818.140
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(68.764.800.237)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.286.568.733.038	1.764.791.835.709
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		178.700.264	409.997.681
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		50.463.593.082	53.334.717.473
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	23	22.330.079.110	21.257.340.005
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	11	1.213.596.360.582	1.689.789.780.550
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		2.561.607.759.937	2.968.744.012.476
I. Tài sản cố định	220		211.821.943.842	203.898.491.029
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	35.750.499.251	41.073.693.310
- Nguyên giá	222		63.689.624.478	68.731.086.165
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(27.939.125.227)	(27.657.392.855)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	13	16.827.675.594	3.100.826.968
- Nguyên giá	225		20.377.578.270	6.123.828.270
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(3.549.902.676)	(3.023.001.302)
3. Tài sản cố định vô hình	227	14	1.009.989.971	1.679.842.634
- Nguyên giá	228		4.566.552.340	4.620.481.775
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.556.562.369)	(2.940.639.141)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	15	158.233.779.026	158.044.128.117
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		2.246.332.859.869	2.650.758.514.009
1. Đầu tư vào công ty con	251	16	2.511.366.051.563	2.490.966.051.563
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	17	295.188.907.055	332.688.907.055
3. Đầu tư dài hạn khác	258	18	564.376.021.999	526.876.021.999
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	19	(1.124.598.120.748)	(699.772.466.608)
III. Tài sản dài hạn khác	260		103.452.956.226	114.087.007.438
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	20	103.452.956.226	114.087.007.438
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		10.197.152.296.698	10.404.082.421.950

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 45 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

MÃ SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013	31/12/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		8.440.588.492.578	7.660.329.457.763
I. Nợ ngắn hạn	310		8.305.795.538.604	7.522.897.836.225
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	21	1.466.045.636.779	1.109.388.360.516
2. Phải trả người bán	312		395.017.558.562	185.153.663.972
3. Người mua trả tiền trước	313	22	5.414.343.909.215	5.512.613.754.930
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	23	9.977.530.634	8.543.652.593
5. Phải trả người lao động	315		3.896.120.314	8.556.918.839
6. Chi phí phải trả	316	24	259.399.255.989	304.147.492.313
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	25	764.646.738.184	401.997.554.135
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(7.531.211.073)	(7.503.561.073)
II. Nợ dài hạn	330		134.792.953.974	137.431.621.538
1. Vay và nợ dài hạn	334	26	38.581.565.986	38.077.746.640
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		9.469.310.694	10.197.719.208
3. Doanh thu chưa thực hiện	338		86.742.077.294	89.156.155.690
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.756.563.804.120	2.743.752.964.187
I. Vốn chủ sở hữu	410	27	1.756.563.804.120	2.743.752.964.187
1. Vốn điều lệ	411		4.000.000.000.000	4.000.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	414		(29.710.000)	(29.710.000)
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		35.731.619.459	35.731.619.459
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		41.255.373.275	41.255.373.275
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		500.000.000	500.000.000
7. Lỗ lũy kế	420		(2.320.893.478.614)	(1.333.704.318.547)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		10.197.152.296.698	10.404.082.421.950

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Đơn vị	30/6/2013	31/12/2012
1. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	VND	9.716.217.233	9.716.217.233
2. Ngoại tệ các loại:			
- Đô la Mỹ	USD		2.291.627
- Euro	EUR		8

[Signature]

Người lập

Ngày 30 tháng 6 năm 2013 *Hải*

[Signature]

Lưu Đức Hoàng
 Kế toán trưởng



[Signature]
 Tổng Giám Đốc

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 45 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAMTầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH


Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	461.239.479.620	629.496.358.325
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	28	201.586.944	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	28	461.037.892.676	629.496.358.325
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	29	514.395.209.094	603.382.911.342
5. (Lỗ)/Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		(53.357.316.418)	26.113.446.983
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	49.178.816.055	43.371.497.057
7. Chi phí tài chính	22	31	696.602.021.258	305.895.359.161
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		30.580.808.957	69.624.084.777
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	32	245.847.571.407	259.345.812.532
9. (Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-25)	30		(946.628.093.028)	(495.756.227.653)
10. Thu nhập khác	31		698.218.443	145.092.595
11. Chi phí khác	32		41.987.693.996	-
12. (Lỗ)/Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(41.289.475.553)	145.092.595
13. Tổng (lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(987.917.568.581)	(495.611.135.058)
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	34	-	-
15. (Thu nhập)/Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(728.408.514)	2.505.177.377
16. (Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(987.189.160.067)	(498.116.312.435)

5/8
T
G
L
E
M
01001
C
H
H
Đ
V
Đ
Đ
Đ


Người lập
Vũ Thị Thu Hải

Ngày 30 tháng 9 năm 2013


Lưu Đức Hoàng
Kế toán trưởng



TÔNG GIÁM ĐỐC

Trần Minh Ngọc
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 45 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU SỐ B 03-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. (Lỗ) trước thuế	01	(987.917.568.581)	(495.611.135.058)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	5.836.091.818	5.789.989.802
Các khoản dự phòng	03	925.627.266.093	388.625.714.343
(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(20.856.834.936)	-
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(19.545.386.951)	(36.851.203.139)
Chi phí lãi vay	06	30.580.808.957	69.624.084.777
3. (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(66.275.623.600)	(68.422.549.275)
Thay đổi các khoản phải thu	09	(703.464.788.189)	(20.959.407.295)
Thay đổi hàng tồn kho	10	28.683.866.791	(53.696.626.850)
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	185.890.691.198	(210.517.839.616)
Thay đổi chi phí trả trước	12	11.240.591.236	(3.848.723.957)
Tiền lãi vay đã trả	13	(10.334.323.030)	(46.330.417.918)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(20.099.270.619)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1.192.036.209)	(5.831.710.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(555.451.621.803)	(429.706.545.530)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(459.254.545)	(4.198.537.999)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	50.000.000.000	-
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	196.099.683.192	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	17.106.113.585	40.514.361.326
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	262.746.542.232	36.315.823.327

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM
 2500 - C
 HỒ CHÍ MINH
 ĐỀ M HỮU HẠ
 ĐITTE
 NAM
 TP. H

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAMTầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013


MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND


CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của các cổ đông	31	-	1.375.000.000.000
2. Tiền mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	-	(29.710.000)
3. Tiền vay ngắn, dài hạn nhận được	33	434.078.264.668	406.702.180.284
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(94.033.843.192)	(481.661.159.192)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	(3.864.391.868)	(714.336.876)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	336.180.029.608	1.299.296.974.216
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	43.474.950.037	905.906.252.013
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	236.623.367.567	214.241.949.240
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	280.098.317.604	1.120.148.201.253

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác không bao gồm số tiền 20.400.000.000 VND, là số tiền góp vốn thông qua công nợ phải thu vào các công ty con. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác và phải thu.


 Người lập
Vũ Thị Thu Hải
 Ngày 30 tháng 9 năm 2013


Lưu Đức Hoàng
 Kế toán trưởng


TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Minh Ngọc
 Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty"), thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), tiền thân là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí, được thành lập tại Việt Nam trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí theo Quyết định số 532/QĐ-TCCB ngày 26 tháng 3 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 4903000232 ngày 13 tháng 3 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp. Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh này là 150.000.000.000 VND, trong đó vốn Nhà nước là 135.051.750.000 VND, chiếm 90,03%.

Tại Nghị quyết số 3604/NQ-DKVN ngày 26 tháng 10 năm 2007, Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã thông qua đề án chuyển đổi Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí thành Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0103021423 ngày 20 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Ngày 19 tháng 8 năm 2009, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chính thức chấp thuận cho Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là PVX.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 13 ngày 15 tháng 01 năm 2013, tổng vốn điều lệ của Tổng Công ty là 4.000.000.000.000 VND, được chia thành 400.000.000 cổ phần, trong đó vốn Nhà nước do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam nắm giữ là 2.181.733.330.000 VND, chiếm 54,54%, còn lại là các cổ đông khác.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 433 người (31 tháng 12 năm 2012: 451 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty là:

- Gia công chế tạo, lắp đặt các chân đế giàn khoan và các kết cấu kim loại khác; thiết kế, chế tạo các bồn chứa xăng dầu, khí hóa lỏng, chứa nước, bồn chịu áp lực và hệ thống ống công nghệ; sản xuất các sản phẩm cơ khí, chống ăn mòn kim loại, bảo dưỡng và sửa chữa các chân đế giàn khoan, tàu thuyền và các phương tiện nổi; gia công ren ống, sản xuất khớp nối, đầu nối và các phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực khoan, khai thác dầu khí, công nghiệp.
- Kinh doanh vật tư thiết bị xây dựng dầu khí; khảo sát, thiết kế, tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp vừa và nhỏ; đầu tư, xây dựng các dự án hạ tầng, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp; kinh doanh nhà ở và các cơ sở hạ tầng kỹ thuật; san lấp mặt bằng; xây dựng các công trình thủy lợi, đê kè bến cảng.
- Lắp đặt hệ thống máy móc thiết bị công nghệ, thiết bị điều khiển, tự động hóa trong các nhà máy công nghiệp; lắp đặt các hệ thống đường dây tải điện đến 35KV, các hệ thống điện dân dụng và công nghiệp khác.
- Khoan phá đá nổ mìn, khai thác mỏ, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; khảo sát, duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí (ngoài biển và trên đất liền), các công trình dân dụng và công nghiệp; sản xuất và kinh doanh bê tông thương phẩm; đầu tư xây dựng, khai thác và quản lý chợ.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng các khu công nghiệp, cơ sở hạ tầng giao thông, xây dựng đô thị, văn phòng, nhà ở, xây dựng các dự án hạ tầng, các công trình thủy lợi, đê kè, cảng sông, cảng biển, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp, kinh doanh đô thị và văn phòng, siêu thị và nhà ở.
- Đầu tư xây dựng, các nhà máy chế tạo cơ khí thiết bị phục vụ ngành dầu khí; các nhà máy đóng tàu vận tải dầu, khí, hoá chất, nhà máy đóng giàn khoan; các nhà máy xi măng và sản xuất vật liệu xây dựng.
- Đầu tư công nghệ cao trong lĩnh vực xây dựng nhà cao tầng; lắp đặt, duy tu bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí (ngoài khơi và trên biển), các chân đế khoan, các kết cấu kim loại, các bồn bể chứa (xăng dầu, khí hoá lỏng, nước), bình chịu áp lực và hệ thống công nghệ, các công trình dân dụng và công nghiệp; tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dầu khí, công trình dân dụng và công nghiệp.
- Đóng tàu vận tải dầu, khí, hoá chất; đóng giàn khoan đất liền, ngoài biển; chế tạo cơ khí phục vụ ngành dầu khí, đóng tàu và kinh doanh cảng sông, cảng biển; chế tạo và cung cấp các loại ống chống cần khoan, ống nối, khớp nối, đầu nối và các phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực dầu khí, công nghiệp; thi công xây dựng các công trình dầu khí (trên bờ, ngoài biển) các công trình công nghiệp và dân dụng, cảng sông, cảng biển; thi công các công trình giao thông, thủy lợi; sản xuất các sản phẩm công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí...); sản xuất kinh doanh các sản phẩm cơ khí, các vật liệu xây dựng, khoan, phá đá nổ mìn, khai thác mỏ, sản xuất công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí); vận chuyển dầu và khí hoá lỏng, hoá chất; kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị xây dựng dầu khí; thương mại và dịch vụ tổng hợp.
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật thí nghiệm và mẫu cơ, lý, hóa, vật liệu xây dựng; kinh doanh lắp đặt các thiết bị phòng cháy chữa cháy; đầu tư xây dựng và kinh doanh các công trình hầm đường bộ.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Trong kỳ, doanh thu từ hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2012, lỗ kế toán trước thuế phát sinh với số tiền là khoảng 988 tỷ VND (lỗ lũy kế tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 với số tiền là khoảng 2.321 tỷ VND), lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh âm khoảng 555 tỷ VND, dư nợ vay ngân hàng quá hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là khoảng 1.004 tỷ VND, dư nợ các khoản vay do Tổng Công ty bảo lãnh quá hạn là khoảng 545 tỷ VND và tổng nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn khoảng 670 tỷ VND. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty phụ thuộc vào kế hoạch tăng cường thu hồi các khoản công nợ, quyết toán các công trình đang dở dang để thu hồi tiền và tiếp tục thỏa thuận vay cần thiết với các ngân hàng và các tổ chức tín dụng để đảm bảo dòng tiền đáp ứng nhu cầu trả các khoản nợ đến hạn của Tổng Công ty. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cũng tin tưởng rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục nhận được hỗ trợ từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trong 6 tháng cuối năm 2013 và các năm tiếp theo để đáp ứng nhu cầu vốn kinh doanh cũng như Tổng Công ty sẽ được gia hạn thời gian trả nợ cho các khoản nợ quá hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương và nhận được nguồn thu từ các dự án, công trình lớn như Liên hợp Lộ hóa dầu Nghi Sơn, Nhiệt điện Thái Bình, Nhiệt điện Vũng Áng, đảm bảo dòng tiền để thanh toán các khoản nợ đến hạn. Báo cáo tài chính riêng kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013.

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Tổng Giám đốc đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính riêng trong tương lai của Tổng Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản vay và nợ, chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải	5 - 7
Thiết bị văn phòng	3 - 7

112
ĐƠN
NHỊỆ
LƯ
ỆT
ĐA

112
ĐƠN
NHỊỆ
LƯ
ỆT
ĐA

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tổng Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Tổng Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về chi phí đi vay.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Tổng Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

Số năm

Phương tiện vận tải

5 - 7

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

13
ING
VI
IEN

00 - C
TY
HỮU H
TTE
NAM
TP. H

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Tổng Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo 2 trường hợp sau:

- (a) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.
- (b) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hợp đồng xây dựng (Tiếp theo)

Phần công việc đã hoàn thành được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

TP
MI
C
D
NA
TP



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Thuế (Tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013, Tổng Công ty có khoản lỗ tính thuế khoảng 736 tỷ VND có thể khấu trừ với lợi nhuận tính thuế trong tương lai. Không có tài sản thuế thu nhập hoãn lại nào được ghi nhận tương ứng với số lỗ trên do không chắc chắn về lợi nhuận thu được trong tương lai.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Tiền mặt	698.232.199	1.193.411.786
Tiền gửi ngân hàng	174.215.885.405	175.429.955.781
Các khoản tương đương tiền (i)	105.184.200.000	60.000.000.000
	<u>280.098.317.604</u>	<u>236.623.367.567</u>

(i) Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương - Chi nhánh Thăng Long.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn khác	20.100.000.000	70.100.000.000
<i>Trong đó:</i>		
Công ty CP Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí (PVC-Metal)	14.600.000.000	14.600.000.000
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Thái Bình Dương (PVC-TBD)	2.000.000.000	2.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng dưới 1 năm	-	50.000.000.000
Ủy thác đầu tư	3.500.000.000	3.500.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(13.885.000.000)	-
	<u>6.215.000.000</u>	<u>70.100.000.000</u>

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Phải thu các bên liên quan	328.846.938.115	345.709.428.235
Phải thu các bên khác	204.324.386.158	157.174.613.054
	<u>533.171.324.273</u>	<u>502.884.041.289</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Công ty Công nghiệp Daelim (*)	2.841.870.474.101	2.060.095.613.280
Tập đoàn Sojitz (*)	515.470.608.567	367.860.302.250
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO	238.834.378.722	238.834.378.722
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	309.663.382.100	281.664.490.448
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	201.243.034.067	178.768.610.892
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex - PVC	141.646.390.893	140.179.940.493
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	102.376.815.658	92.483.025.830
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	41.890.746.308	36.039.600.489
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu Khí Thái Bình	43.817.000.000	43.817.000.000
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí PVC - Trường Sơn	59.964.254.115	38.838.448.150
Các khoản khác	279.939.216.906	193.215.766.366
	<u>4.776.716.301.437</u>	<u>3.671.797.176.920</u>

(*) Khoản trả trước cho liên danh nhà thầu Sojitz và Daelim liên quan đến hợp đồng mua thiết bị dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2.

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	223.349.719.313	215.842.638.244
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	226.881.768.564	198.999.199.967
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	130.855.338.545	146.218.545.419
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - IDICO	122.550.144.662	118.295.555.492
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí - PTSC	9.029.593.375	113.850.000.000
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	99.724.586.017	98.777.387.739
Công ty TNHH VNT	-	65.215.840.000
Công ty Cổ phần Đầu tư, Xây dựng và Thương mại An Thịnh Phát	54.000.000.000	54.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	-	34.500.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	33.805.997.863	33.805.997.863
Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ Cao cấp Dầu khí Việt Nam	23.575.990.000	27.075.990.000
Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam	19.328.869.681	21.328.869.681
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	11.220.000.000	20.400.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	18.304.527.631	17.226.972.263
Công ty Cổ phần Dầu khí Đồng Đô	18.433.571.570	15.396.031.570
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sông Hồng	15.000.000.000	15.000.000.000
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	13.528.689.385	13.528.689.385
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	13.264.369.181	12.423.479.775
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	10.410.594.852	10.410.594.852
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	11.745.349.822	7.968.124.019
Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (*)	45.477.848.975	45.477.848.975
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (**)	85.447.703.469	39.213.925.313
Các khoản phải thu khác	77.497.099.270	82.894.778.210
	<u>1.263.431.762.175</u>	<u>1.407.850.468.767</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC (Tiếp theo)

(*) Phải thu từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương thể hiện khoản tiền ngân hàng này đã khấu trừ từ tài khoản của Tổng Công ty để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho các hợp đồng tín dụng mà Tổng Công ty đứng ra bảo lãnh (xem thêm tại Thuyết minh số 37).

(**) Phải thu từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (SHB) thể hiện khoản tiền ngân hàng này khấu trừ từ tài khoản tiền gửi của Tổng Công ty tại SHB để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho khoản vay của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO (PVC - IMICO) tại SHB - Chi nhánh Thăng Long và thu hồi nợ quá hạn của Tổng Công ty tại SHB - Chi nhánh Thăng Long với số tiền lần lượt là 39.213.925.313 VND và 46.233.778.156 VND. Do không đồng ý với việc khấu trừ tiền nói trên của SHB cũng như chưa thống nhất được phương án giải quyết vụ việc sau nhiều cuộc họp, làm việc giữa Tổng Công ty, SHB và PVC - IMICO, Tổng Công ty đã quyết định tiến hành khởi kiện SHB để đòi lại số tiền đã bị SHB khấu trừ. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc với đơn vị tư vấn luật để thống nhất quy trình, cách thức khởi kiện SHB. Báo cáo tài chính riêng kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể có liên quan đến vấn đề này.

10. HÀNG TỒN KHO

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	8.163.581.615	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	319.729.369.734	356.576.818.140
	327.892.951.349	356.576.818.140
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(68.764.800.237)	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	259.128.151.112	356.576.818.140

(*) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang là chi phí các công trình đang xây dựng dở dang, tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, chi phí sản xuất dở dang chi tiết theo các công trình như sau:

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Nhà máy Nhiệt điện (NMNĐ) Thái Bình 2	128.158.408.062	132.712.081.534
NMNĐ Vũng Áng và NMNĐ Quảng Trạch	122.554.718.062	103.124.445.796
Kho chứa LPG lạnh	-	18.778.325.753
Các công trình khác	69.016.243.610	101.961.965.057
	319.729.369.734	356.576.818.140

11. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Tạm ứng	7.415.496.804	8.409.227.473
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn (*)	1.206.180.863.778	1.681.380.553.077
	1.213.596.360.582	1.689.789.780.550

(*) Ký cược, ký quỹ ngắn hạn bao gồm số tiền 1.188.251.193.823 VND là số tiền ký quỹ để mở thanh toán cho các L/C nhập khẩu thiết bị cho Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 theo Hợp đồng tín dụng số 01/PVC-VCB ký ngày 12 tháng 12 năm 2012 giữa Tổng Công ty và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2013	27.959.629.695	2.364.960.107	19.329.758.304	19.076.738.059	68.731.086.165
Tăng do mua sắm	-	47.727.272	-	207.876.364	255.603.636
Thanh lý, nhượng bán	-	(403.340.721)	-	-	(403.340.721)
Giảm khác (*)	-	(73.185.585)	-	(4.820.539.017)	(4.893.724.602)
Tại ngày 30/6/2013	27.959.629.695	1.936.161.073	19.329.758.304	14.464.075.406	63.689.624.478
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2013	4.733.591.044	1.536.717.381	5.678.275.414	15.708.809.016	27.657.392.855
Khấu hao trong kỳ	903.065.798	135.342.394	1.593.320.242	2.018.671.117	4.650.399.551
Thanh lý, nhượng bán	-	(80.668.117)	-	-	(80.668.117)
Giảm khác (*)	-	(73.185.585)	-	(4.214.813.477)	(4.287.999.062)
Tại ngày 30/6/2013	5.636.656.842	1.518.206.073	7.271.595.656	13.512.666.656	27.939.125.227
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/6/2013	22.322.972.853	417.955.000	12.058.162.648	951.408.750	35.750.499.251
Tại ngày 31/12/2012	23.226.038.651	828.242.726	13.651.482.890	3.367.929.043	41.073.693.310

(*) Phản ánh việc phân loại sang công cụ dụng cụ đối với các tài sản cố định có nguyên giá dưới 30 triệu VND, không đủ tiêu chuẩn để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định tại Thông tư số 45/2003/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 với giá trị là 8.197.267.236 VND (31 tháng 12 năm 2012: 6.824.091.335 VND).

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Phương tiện vận tải VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2013	6.123.828.270
Thuê tài chính trong kỳ	14.253.750.000
Tại ngày 30/6/2013	20.377.578.270
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2013	3.023.001.302
Khấu hao trong kỳ	526.901.374
Tại ngày 30/6/2013	3.549.902.676
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 30/6/2013	16.827.675.594
Tại ngày 31/12/2012	3.100.826.968

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<u>Phần mềm máy tính</u> VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2013	4.620.481.775
Tăng do mua sắm trong kỳ	14.000.000
Giảm khác	(45.764.777)
Thanh lý, nhượng bán	(22.164.658)
Tại ngày 30/6/2013	4.566.552.340
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2013	2.940.639.141
Khấu hao trong kỳ	658.790.893
Giảm khác	(38.434.733)
Thanh lý, nhượng bán	(4.432.932)
Tại ngày 30/6/2013	3.556.562.369
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 30/6/2013	1.009.989.971
Tại ngày 31/12/2012	1.679.842.634

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<u>30/6/2013</u> VND	<u>31/12/2012</u> VND
Dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang (*)	141.129.900.259	140.853.249.350
Dự án Tháp dầu khí	12.524.271.679	12.524.271.679
Công trình khu đô thị Đại học Dầu khí	3.883.984.985	3.883.984.985
Các công trình khác	695.622.103	782.622.103
	158.233.779.026	158.044.128.117

(*) Thể hiện giá trị xây dựng cơ bản dở dang của Dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang. Tháng 6 năm 2013, Tổng Công ty đã có công văn đề nghị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) cho phép dừng triển khai thực hiện dự án và có phương án nhận chuyển giao Dự án từ Tổng Công ty. Tổng Công ty tin tưởng rằng Dự án này sẽ được chuyển giao với giá không thấp hơn giá gốc phản ánh trên sổ kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 trừ đi các khoản thu mà Tổng Công ty đã nhận được từ việc cho thuê đất tại Soài Rạp.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 như sau:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Giá trị vốn góp tại ngày 30/6/2013 VND	Tỷ lệ phần sở hữu trực tiếp %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT)	Đà Nẵng	76.500.000.000	51%	51%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
2	Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bê tông Dầu khí (PVC-PT)	Thành phố Hồ Chí Minh	102.000.000.000	51%	51%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
3	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	Bà Rịa - Vũng Tàu	153.000.000.000	51%	51%	Xây lắp, sản xuất công nghiệp, kinh doanh bất động sản
4	Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)	Bà Rịa - Vũng Tàu	224.400.000.000	55%	55%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
5	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN) (i)	Hà Nội	107.500.000.000	36%	36%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
6	Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME) (i)	Hà Nội	200.000.000.000	40%	40%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
7	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC-Mekong)	Cần Thơ	153.532.000.000	53%	53%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
8	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (PVC-Thanh Hóa) (i)	Thanh Hóa	75.600.000.000	36%	36%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
9	Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC-Land)	Thành phố Hồ Chí Minh	203.793.940.000	76%	76%	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ
10	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC-Thái Bình)	Thái Bình	325.000.000.000	72%	72%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản và dịch vụ
11	Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (PVC-Đông Đô) (i)	Hà Nội	201.637.505.565	36%	36%	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ
12	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (PVC-Petroland) (i)	Thành phố Hồ Chí Minh	367.502.605.998	36%	36%	Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp
13	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (PVC-Duyên Hải) (i)	Hải Phòng	63.900.000.000	35%	35%	Đầu tư phát triển khu công nghiệp, kinh doanh xăng dầu, vật liệu xây dựng
14	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Dầu khí Phú Đạt (PVC-Phú Đạt)	Thành phố Hồ Chí Minh	200.000.000.000	47%	53%	Kinh doanh bất động sản, vật liệu xây dựng
15	Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	Thanh Hóa	57.000.000.000	30%	65%	Kinh doanh dịch vụ khách sạn
			2.511.366.051.563			

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON (Tiếp theo)

- (i) Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, mặc dù tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty nhỏ hơn hoặc bằng 50% tại PVC-HN, PVC-ME, PVC-Thanh Hóa, PVC-Đông Đô, PVC-Petroland và PVC-Duyên Hải nhưng Tổng Công ty vẫn có quyền kiểm soát các công ty này thông qua quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động; giao và đánh giá việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm; hỗ trợ về công việc, các hợp đồng xây lắp, thị trường, tài chính. Các công ty nói trên được xác định là công ty con và được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

Theo Quyết định số 2334a/QĐ-DKVN ngày 20 tháng 9 năm 2013 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) về việc phê duyệt phương án tái cơ cấu Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam giai đoạn 2012 - 2015, các doanh nghiệp Tổng Công ty tiếp tục nắm giữ tối thiểu 51% vốn điều lệ trong giai đoạn 2013 - 2015 gồm: Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Bắc (trên cơ sở sáp nhập/hợp nhất/tổ chức lại các công ty xây lắp khu vực miền Bắc), Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (trên cơ sở sáp nhập/hợp nhất/tổ chức lại các công ty xây lắp khu vực miền Trung), Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Nam (trên cơ sở sáp nhập/hợp nhất/tổ chức lại các công ty xây dựng khu vực miền Nam), Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT), Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS) và Công ty Cổ phần Xi măng Dầu khí Nghệ An (tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013, Tổng Công ty chưa thực hiện đầu tư vào công ty này). Đồng thời, Hội đồng Thành viên PVN cũng thống nhất chủ trương thoái hết vốn/giải thể/sáp nhập/phá sản trong giai đoạn 2013 - 2015 các đơn vị: Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh, Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (PVC-Đông Đô), Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC Land), Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (PVC-Petroland), Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Dầu khí Phú Đạt (PVC-Phú Đạt), Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME), Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN), Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (PVC-Duyên Hải). Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang trong quá trình thực hiện quyết định nêu trên.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

17. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Đầu tư vào các công ty liên kết	295.188.907.055	332.688.907.055

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 như sau:

STT	Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Giá trị vốn góp tại ngày 30/6/2013 VND	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	Hà Nội	3.740.000.000	44%	44%	Thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, thiết kế kiến trúc công trình
2	Công ty Cổ phần Cơ điện Dầu khí Việt Nam	Hà Nội	2.600.000.000	26%	26%	Kinh doanh vật tư thiết bị ngành điện, cơ điện
3	Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí Việt Nam SSG	Hà Nội	100.000.000.000	26%	26%	Kinh doanh dịch vụ tư vấn bất động sản
4	Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	Hà Nội	20.000.000.000	50%	50%	Thiết kế và thi công các công trình xây dựng
5	Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	Nghệ An	55.000.000.000	23%	23%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
6	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	Thành phố Hồ Chí Minh	83.848.907.055	25%	25%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
7	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dầu khí Sông Đà	Hà Nội	30.000.000.000	27%	27%	Xây lắp, sản xuất công nghiệp
			295.188.907.055			

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***18. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

STT	Đầu tư dài hạn khác	30/6/2013		31/12/2012	
		VND	Tỷ lệ phần sở hữu %	VND	Tỷ lệ phần sở hữu %
1	Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	147.300.000.000	15%	147.300.000.000	15%
2	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - Idico	136.068.065.000	16%	136.068.065.000	16%
3	Công ty Cổ phần Địa ốc Dầu khí	86.100.000.000	14%	86.100.000.000	14%
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang	33.700.000.000	11%	33.700.000.000	11%
5	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex-PVC	30.000.000.000	10%	30.000.000.000	10%
6	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc	23.500.000.000	16%	23.500.000.000	16%
7	Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí	16.764.968.199	15%	16.764.968.199	15%
8	Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí	13.200.000.000	6%	13.200.000.000	6%
9	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO	12.500.000.000	5%	12.500.000.000	5%
10	Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao	10.200.000.000	13%	10.200.000.000	13%
11	Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON (*)	37.500.000.000	14%	-	-
12	Các khoản đầu tư dài hạn khác	17.542.988.800		17.542.988.800	
		564.376.021.999		526.876.021.999	

(*) Trong kỳ, Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON tăng thêm vốn điều lệ, nhưng Tổng Công ty không góp vốn thêm nên tỷ lệ phần sở hữu cũng như tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty trong công ty này giảm xuống dưới 20%. Theo đó, khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON được phân loại sang đầu tư dài hạn khác.

Tổng Công ty đã đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2013. Việc trích lập dự phòng được Tổng Công ty lập dựa trên báo cáo tài chính đã được soát xét của các công ty. Với các công ty có báo cáo tài chính chưa được soát xét, Tổng Công ty dựa trên báo cáo tài chính trước soát xét. Với những công ty chưa lập báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013, Tổng Công ty đã dựa trên báo cáo tài chính của kỳ gần nhất và thu thập thêm thông tin cập nhật về tình hình tài chính của các đơn vị này để đánh giá giá trị dự phòng cần trích lập (nếu có). Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng dự phòng giảm giá các khoản đầu tư này đã được lập trên cơ sở thận trọng và đầy đủ nhất.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

19. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con		
Công ty Cổ phần Thi công cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME)	200.000.000.000	182.724.696.097
Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC-Land)	189.386.434.021	86.366.518.273
Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí (PVC - Mekong)	108.533.098.833	69.205.150.138
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT)	76.500.000.000	60.072.346.982
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)	107.500.000.000	34.553.635.785
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	15.925.605.830	13.034.266.422
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (PVC-Đông Đô)	21.089.424.257	134.136.364
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (PVC-Petroland)	14.742.599.801	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC-Thái Bình)	76.248.028.536	-
Dự phòng giảm giá đầu tư vào các công ty con khác	25.502.892.992	6.086.587.794
Dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (PVNC)	31.333.618.425	15.708.684.066
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC - SG)	83.848.907.055	65.612.517.617
Dự phòng đầu tư vào công ty liên kết khác	8.880.195.792	6.306.675.235
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn khác		
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	147.300.000.000	147.300.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao (Sopewaco)	10.200.000.000	10.200.000.000
Dự phòng đầu tư dài hạn khác	7.607.315.206	2.467.251.835
	<u>1.124.598.120.748</u>	<u>699.772.466.608</u>

20. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	99.637.595.151	107.827.598.349
Chi phí dài hạn khác	3.815.361.075	6.259.409.089
	<u>103.452.956.226</u>	<u>114.087.007.438</u>

21. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn	1.444.143.781.027	1.098.797.418.550
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (i)	964.063.575.358	1.058.097.418.550
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (ii)	40.700.000.000	40.700.000.000
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam (iii)	439.380.205.669	-
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 26)	21.901.855.752	10.590.941.966
	<u>1.466.045.636.779</u>	<u>1.109.388.360.516</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

21. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (Tiếp theo)

- (i) Vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương theo các Hợp đồng tín dụng số 10/2010/HĐTĐ-OCEANBANK-PVC ngày 20 tháng 10 năm 2010, số 602/2011/HĐTĐ-OCEANBANK-PVC ngày 30 tháng 6 năm 2011 và số 603/2011/HĐTĐ-OCEANBANK-PVC ngày 30 tháng 6 năm 2011 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương và Tổng Công ty. Trong đó các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 10/2010/HĐTĐ-OCEANBANK-PVC đã quá hạn từ ngày 21 tháng 10 năm 2011 và phải chịu lãi suất quá hạn là 8,25%/năm, Hợp đồng tín dụng số 602/2011/HĐTĐ-OCEANBANK-PVC quá hạn từ ngày 31 tháng 12 năm 2011 và phải chịu lãi quá hạn 7,35%/năm, số 603/2011/HĐTĐ-OCEANBANK-PVC quá hạn từ ngày 31 tháng 5 năm 2012 và phải chịu lãi quá hạn 7,35%/năm. Tổng số nợ gốc quá hạn tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 964.063.575.358 VND.
- (ii) Vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (SHB) - Chi nhánh Thăng Long theo Hợp đồng số SHBTL38042011 ngày 25 tháng 4 năm 2011 giữa SHB - Chi nhánh Thăng Long với Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo. Các khoản vay này được giải ngân theo các kế ước nhận nợ, có thời hạn vay mỗi lần nhận nợ không quá 6 tháng, lãi suất vay được xác định tại thời điểm nhận nợ vay và điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần. Lãi suất áp dụng cho các khoản vay này là 17%/năm và 17,5%/năm, các khoản vay này đã quá hạn từ tháng 10 năm 2012 và chịu lãi suất bằng 1,5 lần lãi suất trong hạn.

Như trình bày tại Thuyết minh số 9, ngày 06 tháng 4 năm 2013 Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội thực hiện khấu trừ 46.233.778.156 VND từ tài khoản tiền gửi 50 tỷ VND của Tổng Công ty tại SHB - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng tiền gửi số 28022013/HDTG/SHB-PVC ngày 28 tháng 8 năm 2012 giữa Tổng Công ty và SHB - Chi nhánh Hà Nội để thu hồi khoản nợ đã quá hạn nêu trên của Tổng Công ty (trong đó dư nợ gốc là 40.700.000.000 VND, lãi quá hạn và phí phạt quá hạn là 5.533.778.156 VND). Đến thời điểm lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc với đơn vị tư vấn luật để thống nhất quy trình, cách thức khởi kiện SHB. Do đó, Tổng Công ty chưa ghi giảm số dư vay và lãi dự trả đối với khoản vay tại SHB - Chi nhánh Thăng Long với số tiền lần lượt là 40.700.000.000 VND và 5.533.778.156 VND. Báo cáo tài chính riêng kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể có liên quan đến vấn đề này.

- (iii) Vay ngắn hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 01/PVC-VCB ngày 12 tháng 12 năm 2012 và các kế ước nhận nợ trong năm 2013. Mục đích là để thanh toán cho các LC nhập khẩu thiết bị cho Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2. Khoản vay có hạn mức tín dụng là 3.150 tỷ VND (bao gồm 80 triệu USD Tổng Công ty đã ký quỹ tại ngân hàng). Tổng Công ty có quyền sử dụng nguồn ký quỹ để thanh toán cho các LC nhập khẩu thiết bị theo tỷ lệ 80/150 và hạn mức tín dụng sẽ giảm xuống tương ứng với số tiền ký quỹ Tổng Công ty đã sử dụng để thanh toán LC. Thời hạn cấp hạn mức tín dụng là 18 tháng kể từ ngày phát hành LC đầu tiên. Khoản vay được bảo đảm bằng bảo lãnh của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với giá trị 1.470 tỷ VND. Các khoản vay này có thời hạn vay 6 tháng, với lãi suất áp dụng từ 5,5%/năm đến 7%/năm.

22. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

Người mua trả tiền trước chủ yếu là số tiền nhận trước từ Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2 với số tiền 4.809.038.716.600 VND liên quan đến Hợp đồng thi công công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

23. THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐƯỢC KHẤU TRỪ, THUẾ PHẢI THU VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢP NHÀ NƯỚC

	Phải nộp tại	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp tại
	01/01/2013			30/6/2013
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	5.947.049.968	11.354.266.944	7.785.004.846	9.516.312.066
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	869.777.873	869.777.873	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(21.256.556.285)	-	-	(21.256.556.285)
Thuế thu nhập cá nhân	1.473.175.540	1.570.845.763	2.582.802.735	461.218.568
Thuế môn bài	-	9.000.000	9.000.000	-
Thuế khác	(783.720)	467.969.120	1.540.708.225	(1.073.522.825)
Thuế nộp thay nhà thầu nước ngoài	1.123.427.085	7.714.706.687	8.838.133.772	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	(12.713.687.412)	21.986.566.387	21.625.427.451	(12.352.548.476)

Trong đó:

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	21.257.340.005	22.330.079.110
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	8.543.652.593	9.977.530.634

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Tổng Công ty đang trong quá trình làm thủ tục xin hoàn thuế giá trị gia tăng được khấu trừ.

24. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Chi phí trích trước của các công trình xây dựng	254.191.649.928	293.839.535.977
Chi phí phải trả khác	5.207.606.061	10.307.956.336
	259.399.255.989	304.147.492.313

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***25. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh	259.436.590.978	35.784.533.222
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (i)	218.454.966.364	217.997.366.364
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (ii)	137.680.289.397	97.319.407.289
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	15.040.742.964	15.030.542.964
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí	-	6.936.563.433
Sở Tài chính Hà Nội (iii)	41.405.472.584	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn-Hà Nội - Chi nhánh Thăng Long (iv)	5.533.778.156	2.622.454.479
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	87.094.897.741	26.306.686.384
	<u>764.646.738.184</u>	<u>401.997.554.135</u>

- (i) Số còn phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) bao gồm: (a) giá trị 10.000.000 cổ phần nhận chuyển nhượng với giá 10.000 VND/cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An (PAP) theo Hợp đồng số 8345/HĐ-DKVN ngày 20/9/2010, (b) giá trị 13.909.896 cổ phần với giá 10.509 VND/cổ phiếu của Công ty Cổ phần Máy-Thiết bị Dầu khí (PV Machino) theo Hợp đồng số 5650/HĐ-DKVN ngày 15/7/2010 ký với PVN, và (c) vốn PVN hỗ trợ Tổng Công ty để thanh toán cho các nhà thầu của Dự án Khu Công nghiệp Soài Rạp - Tiền Giang. Các khoản phải trả này đã quá hạn thanh toán từ năm 2011.
- (ii) Khoản phải trả Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương thể hiện số lãi vay phải trả tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, bao gồm chi phí lãi vay của Tổng Công ty và lãi vay mà Tổng Công ty sẽ phải thu lại của các công ty con theo các hợp đồng hỗ trợ vốn để thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương. Các khoản phải trả này đã quá hạn thanh toán từ năm 2012 và trong kỳ hoạt động 6 tháng đầu năm 2013.
- (iii) Khoản phải trả Sở Tài chính Hà Nội thể hiện số tiền chênh lệch giữa giá trúng đấu giá và giá bán chỉ định cơ sở nhà đất tại 69 Nguyễn Du, Hà Nội sau khi trừ đi các khoản chi phí và thuế thu nhập doanh nghiệp Tổng Công ty đã nộp trong năm 2010 tương ứng với chênh lệch Tổng Công ty phải nộp lại Ngân sách Nhà nước.
- (iv) Thể hiện lãi dự trả đối với khoản vay tại SHB - Chi nhánh Thăng Long. Xem thêm Thuyết minh số 21 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

26. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Vay dài hạn	28.558.309.980	38.077.746.640
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương (i)	28.558.309.980	38.077.746.640
Nợ thuê tài chính dài hạn (ii)	10.023.256.006	-
	<u>38.581.565.986</u>	<u>38.077.746.640</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAMTầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***26. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

- (i) Vay dài hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương nhận chuyển nhượng theo Hợp đồng Chuyển giao Quyền và Nghĩa vụ ba bên giữa Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC - ME), Tổng Công ty và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương ngày 30 tháng 11 năm 2012. Theo đó, Tổng Công ty nhận chuyển giao toàn bộ quyền và nghĩa vụ, trong đó có nghĩa vụ là trả nợ vay trung hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương với tổng số tiền nhận nợ là 47.597.183.300 VND, thời hạn khoản vay là ngày 03 tháng 9 năm 2015, lãi suất của khoản vay trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 là từ 12,5%/năm đến 15%/năm; và Tổng Công ty có quyền nhận chuyển nhượng một số máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải có giá trị còn lại được định giá 49.546.000.000 VND được dùng làm tài sản thế chấp cho khoản vay trung hạn trên. Tuy nhiên, đến thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013, PVC - ME vẫn chưa chuyển giao quyền sở hữu những tài sản này cho Tổng Công ty.
- (ii) Nợ thuê tài chính dài hạn với Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê tài chính Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam theo Hợp đồng số 39.13.01/CTTC ngày 15 tháng 5 năm 2013. Theo đó, Tổng Công ty nhận lại nợ thuê tài chính và tài sản thuê tài chính của PVC - ME tại Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê tài chính Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam. Thời gian thuê là 60 tháng. Lãi suất thuê tài chính trong kỳ là 12%/năm.

Khoản vay và nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	21.901.855.752	10.590.941.966
Trong năm thứ hai	21.544.687.322	19.038.873.320
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	17.036.878.664	19.038.873.320
	60.483.421.738	48.668.688.606
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	21.901.855.752	10.590.941.966
Số phải trả sau 12 tháng	38.581.565.986	38.077.746.640

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***27. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****Vốn điều lệ và vốn đầu tư**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 13 ngày 15 tháng 01 năm 2013, tổng vốn đầu tư và vốn điều lệ của Tổng Công ty đều là 4.000.000.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp tại ngày			
	30/6/2013		31/12/2012	
	VND	%	VND	%
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.181.733.330.000	54,54%	2.181.733.330.000	54,54%
Quỹ Market Vectors ETF Trust - Market Vectors - Vietnam ETF	356.138.680.000	8,90%	194.490.680.000	4,86%
Các cổ đông khác	1.462.127.990.000	36,56%	1.623.775.990.000	40,59%
	4.000.000.000.000	100%	4.000.000.000.000	100%

Cổ phiếu

	30/6/2013	31/12/2012
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
- Số liệu cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	400.000.000	400.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số liệu cổ phiếu quỹ		
+ Cổ phiếu phổ thông	2.971	2.971
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số liệu cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	399.997.029	399.997.029
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu.

28. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu hoạt động xây lắp	458.618.110.269	625.220.369.138
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.621.369.351	4.275.989.187
	461.239.479.620	629.496.358.325
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Giảm giá hàng bán	201.586.944	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	461.037.892.676	629.496.358.325

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
	VND	VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	511.816.053.243	600.475.396.126
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.579.155.851	2.907.515.216
	514.395.209.094	603.382.911.342

30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
	VND	VND
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	20.856.834.936	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	17.170.000.000	10.809.887.812
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.225.386.951	25.941.217.844
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	155.667.043
Doanh thu hoạt động tài chính khác	4.926.594.168	6.464.724.358
	49.178.816.055	43.371.497.057

31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
	VND	VND
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	438.710.654.140	230.797.669.902
Dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh	223.652.057.756	-
Chi phí lãi vay	30.580.808.957	69.624.084.777
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.105.306	5.345.950.500
Chi phí tài chính khác	3.653.395.099	127.653.982
	696.602.021.258	305.895.359.161

32. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
	VND	VND
Chi phí dự phòng	194.499.753.960	157.815.565.091
Chi phí lương	25.905.106.580	45.627.280.023
Chi phí vật liệu quản lý	722.110.687	1.104.412.043
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.297.071.833	5.011.370.102
Chi phí khấu hao	5.081.702.172	5.789.989.802
Thuế, phí, lệ phí	273.330.799	395.392.467
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.532.173.392	13.501.363.980
Chi phí bằng tiền khác	8.536.321.984	30.100.439.024
	245.847.571.407	101.530.247.441

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***33. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.019.182.520	6.115.782.145
Chi phí nhân công	25.905.106.580	45.627.280.023
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.836.091.818	5.789.989.802
Chi phí dịch vụ mua ngoài	486.598.875.233	670.976.294.639
Chi phí dự phòng	194.499.753.960	157.815.565.091
Chi phí khác	8.536.321.984	30.100.439.024
	723.395.332.095	916.425.350.724

34. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
	VND	VND
(Lỗ) kế toán trước thuế	(987.917.568.581)	(495.611.135.058)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(17.170.000.000)	(10.809.887.812)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(17.170.000.000)	(10.809.887.812)
Cộng:	269.509.335.577	1.080.329.182
- Thu nhập không chịu thuế năm trước chuyển sang	2.913.634.060	-
- Chi phí không được khấu trừ năm nay	42.943.643.761	1.080.329.182
- Các khoản dự phòng	223.652.057.756	-
Thu nhập chịu thuế	(735.578.233.004)	(505.340.693.688)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% trên thu nhập chịu thuế. Tuy nhiên, Tổng Công ty không trích lập thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ do Tổng Công ty không có thu nhập chịu thuế.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 21 và 26 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ trừ đi lỗ lũy kế).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc kỳ/niên độ kế toán như sau:

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Các khoản vay và nợ	1.504.627.202.765	1.147.466.107.156
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	280.098.317.604	236.623.367.567
Nợ thuần	1.224.528.885.161	910.842.739.589
Vốn chủ sở hữu	1.756.563.804.120	2.743.752.964.187
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>0,70</u>	<u>0,33</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Giá trị ghi sổ tại ngày</u>	
	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	280.098.317.604	236.623.367.567
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.026.818.033.570	1.335.449.211.138
Đầu tư ngắn hạn	6.215.000.000	70.100.000.000
Đầu tư dài hạn	399.268.706.793	366.908.770.164
Tổng cộng	<u>1.712.400.057.967</u>	<u>2.009.081.348.869</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ	1.504.627.202.765	1.147.466.107.156
Phải trả người bán và phải trả khác	1.158.510.009.762	586.573.721.264
Chi phí phải trả	259.399.255.989	304.147.492.313
Tổng cộng	<u>2.922.536.468.516</u>	<u>2.038.187.320.733</u>

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/6/2013	31/12/2012	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	497.325.614.151	5.104.029.990.680	11.824.834.413	2.497.607.540.780

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Tổng Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 10% so với đồng Đô la Mỹ. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá đồng Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 10% thì (lỗ) trước thuế trong kỳ của Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013		Năm 2012
	VND	VND	
Đô la Mỹ (USD)	(48.550.077.974)	(260.642.244.990)	

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Tổng Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tổng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lỗ trước thuế của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 sẽ tăng/giảm với số tiền tương ứng như sau:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Độ nhạy của lãi suất (Tiếp theo)*

	Tăng/(Giảm) số điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lỗ trước thuế
VND		
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013		
VND	200	4.998.636.274
VND	(200)	(4.998.636.274)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012		
VND	200	893.686.886
VND	(200)	(893.686.886)

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Tổng Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Tổng Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Tổng Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Theo Quyết định số 2334a/QĐ-DKVN ngày 20 tháng 9 năm 2013 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc phê duyệt phương án tái cơ cấu Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam giai đoạn 2012 - 2015, Tổng Công ty đang trong quá trình thực hiện thoái vốn một số khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết trong giai đoạn 2013 đến 2015 (xem thêm Thuyết minh số 39).

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc kỳ hoạt động, Tổng Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)***

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/6/2013	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	280.098.317.604	-	280.098.317.604
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.026.818.033.570	-	1.026.818.033.570
Đầu tư tài chính	6.215.000.000	399.268.706.793	405.483.706.793
	1.313.131.351.174	399.268.706.793	1.712.400.057.967
Phải trả người bán và phải trả khác	1.158.510.009.762	-	1.158.510.009.762
Chi phí phải trả	259.399.255.989	-	259.399.255.989
Các khoản vay và nợ	1.466.045.636.779	38.581.565.986	1.504.627.202.765
	2.883.954.902.530	38.581.565.986	2.922.536.468.516
Chênh lệch thanh khoản thuần	(1.570.823.551.356)	360.687.140.807	(1.210.136.410.549)
31/12/2012	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	236.623.367.567	-	236.623.367.567
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.335.449.211.138	-	1.335.449.211.138
Đầu tư tài chính	70.100.000.000	366.908.770.164	437.008.770.164
	1.642.172.578.705	366.908.770.164	2.009.081.348.869
Phải trả người bán và phải trả khác	586.573.721.264	-	586.573.721.264
Chi phí phải trả	304.147.492.313	-	304.147.492.313
Các khoản vay	1.109.388.360.516	38.077.746.640	1.147.466.107.156
	2.000.109.574.093	38.077.746.640	2.038.187.320.733
Chênh lệch thanh khoản thuần	(357.936.995.388)	328.831.023.524	(29.105.971.864)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá Tổng Công ty có tập trung rủi ro thanh khoản. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Kế hoạch tăng cường khả năng thanh khoản được trình bày tại Thuyết minh số 2.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAMTầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
	VND	VND
Doanh thu		
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (PV Gas)	165.326.071.912	195.897.387.147
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	203.093.397.560	7.712.927.942
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hoá dầu Nghi Sơn	6.474.960.150	4.838.733.819
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PVPower)	6.203.979.879	47.482.635.353
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC-Thái Bình)	-	98.885.764.383
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Dầu khí Phú Đạt (PVC-Phú Đạt)	-	5.218.328.463
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	-	4.974.066.616
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	2.503.463.282
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT)	111.965.227.480	141.754.483.856
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)	7.979.029.091	111.810.465.075
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hoá (PVC-TH)	6.474.960.149	4.838.733.819
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (PVNC)	3.595.435.167	25.870.527.676
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT)	-	17.051.558.989
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME)	-	49.254.360.415
Cổ tức được nhận trong kỳ		
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)	11.220.000.000	6.120.000.000
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu Khí (PSA)	1.020.000.000	1.019.887.812
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	-	4.590.000.000
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT)	-	4.080.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí (PVC - Mekong)	-	(5.000.000.000)
Chi phí lãi vay		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	17.680.308.761	24.569.881.196
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	1.753.531.340	1.444.447.545

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Phải thu khách hàng		
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)	94.456.190.614	89.660.375.990
Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí (PV Pipe)	56.248.505.924	56.248.505.924
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	29.021.516.890	51.799.476.392
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên Hợp Lọc hoá Dầu Nghi Sơn	32.754.470.660	26.616.483.849
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME)	25.884.387.188	19.627.273.188
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (PV Gas)	9.446.793.927	15.035.637.017
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (PVNC)	13.562.979.117	13.562.979.117
Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	6.097.621.800	12.146.515.750
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	7.459.604.837	7.459.604.837
Ban Quản lý Dự án Cụm Khí-Điện-Đạm Cà Mau	2.136.587.654	2.136.587.654
Công ty Cổ phần Dầu tư và Thương mại Dầu khí Nghệ An	1.255.792.339	1.255.792.339
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN)	5.546.942.139	5.546.942.139
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT)	5.711.989.102	5.349.698.117
Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí (PVC - Mekong)	5.118.148.406	5.118.148.406
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu Khí Thái Bình (PVC Thái Bình)	24.843.620.773	24.843.620.773
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC)	2.000.000.002	2.000.000.000
Ban Quản lý Dự án Nhà máy Lọc dầu Dung Quất	2.753.809.610	2.753.809.610
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT)	4.547.977.133	4.547.977.133
Phải thu ngắn hạn khác		
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	223.349.719.313	215.842.638.244
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC - SG)	226.881.768.564	198.999.199.967
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí PVC (PVC Petroland)	130.855.338.545	146.218.545.419
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (PVNC)	99.724.586.017	98.777.387.739
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	45.477.848.975	45.477.848.975
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	33.805.997.863	33.805.997.863
Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam	19.328.869.681	21.328.869.681
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (PVC-Đông Đô)	18.433.571.570	15.396.031.570
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC)	13.528.689.385	13.528.689.385
Công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Miền Trung (PVC-MT)	13.264.369.181	12.423.479.775
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)	11.745.349.822	7.968.124.019
Tổng Công ty Khí Việt Nam- Công ty Cổ phần (PV Gas)	11.569.472.274	13.233.323.181
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)	11.220.000.000	20.400.000.000
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT)	10.410.594.852	10.410.594.852
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí - PTSC	9.029.593.375	113.850.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí (PVC - Mekong)	5.400.000.000	5.400.000.000
Trả trước cho người bán		
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME)	309.663.382.100	281.664.490.448
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT)	201.243.034.067	178.768.610.892
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)	102.376.815.658	92.483.025.830
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu Khí Thái Bình	43.817.000.000	43.817.000.000
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT)	41.890.746.308	36.039.600.489
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (PVC-TH)	29.273.412.327	-
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (PVNC)	11.900.459.405	11.900.459.405
Công ty Cổ phần Cơ điện Dầu khí Việt Nam (PVME)	9.950.096.453	5.000.000.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAMTầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán (Tiếp theo):

	<u>30/6/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Người mua trả tiền trước		
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	4.809.038.716.600	5.062.596.312.402
Ban Quản lý Dự án Nhiệt điện Vũng Áng - Quảng Trạch	164.771.418.256	164.771.418.256
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu sinh học	37.723.642.230	16.443.993.926
Viện Dầu khí Việt Nam	21.447.520.000	
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hoá lỏng Miền Bắc	19.586.779.519	14.545.163.199
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Dầu khí Phú Đạt	7.918.751.144	7.918.751.144
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)	4.795.814.624	4.795.814.624
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên Hợp Lọc hoá Dầu Nghi Sơn	2.680.695.770	-
Phải trả người bán		
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (PVC-TH)	53.987.379.010	9.622.211.521
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT)	41.812.789.699	47.461.902.795
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	13.223.326.772	13.223.326.772
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)	8.521.866.173	-
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME)	7.880.401.314	8.094.381.333
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)	5.916.929.321	5.916.929.321
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (PVNC)	5.509.561.230	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT)	3.947.951.289	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG)	2.427.562.426	6.281.576.626
Vay ngắn hạn		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	964.063.575.358	1.058.097.418.550

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***37. CÔNG NỢ TIỀM TANG**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Tổng Công ty có các khoản bảo lãnh cho các công ty khác vay vốn tại các ngân hàng và tổ chức tín dụng đã bị quá hạn, cụ thể như sau:

Đơn vị: VND

Đơn vị được bảo lãnh	Ngân hàng, tổ chức tín dụng	Thời hạn bảo lãnh	Dư nợ bảo lãnh tại ngày 30/6/2013	Dư nợ vay quá hạn	Dự phòng nghĩa vụ
				ngày 30/6/2013	nợ phải trả tại ngày 30/6/2013
PVC-HN	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Hội sở chính	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 30/4/2012	79.668.464.073	79.668.464.073	-
PVC-HN	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch 1	Từ ngày 30/4/2012 đến ngày 31/12/2012	102.475.863.953	-	-
PVC-ME	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Đông Đô	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012	51.799.069.871	51.799.069.871	25.899.534.936
PVC-ME	Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Trụ sở chính	Từ ngày 26/7/2011 đến ngày 26/7/2012	14.312.967.325	14.312.967.325	4.293.890.198
PVC-Metal	Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Sài Gòn	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 20/9/2012	18.418.688.119	18.418.688.119	5.525.606.436
PVC-IMICO	Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - PGD Ngô Quyền	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 21/4/2012	99.700.000.000	99.700.000.000	49.850.000.000
PVC-MT	Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	Từ ngày 26/6/2012 đến ngày 26/12/2012	53.890.315.030	53.890.315.030	16.167.094.509
PVC-SG	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 8	Từ ngày 31/5/2012 đến ngày 31/12/2012	127.726.771.148	127.726.771.148	127.726.771.148
PVC-SG	Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Sài Gòn	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 30/8/2012	99.912.312.503	99.912.312.503	29.973.693.751
	Cộng dư nợ bảo lãnh vay vốn ngân hàng đã quá hạn		647.904.452.022	545.428.588.069	259.436.590.978
PVC-SG	Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Sài Gòn	Từ ngày 31/7/2009 đến ngày 31/7/2013	38.804.623.600	-	-
PVC-MT	Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	Từ ngày 09/3/2010 đến ngày 08/3/2015	4.168.870.917	-	-
PVC - MS	Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	Từ ngày 02/10/2009 đến ngày 30/9/2017	7.782.809.000	-	-
PVC - MS	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam VIB - Chi nhánh Vũng Tàu	Từ ngày 23/12/2010 đến ngày 31/10/2015	15.264.167.000	-	-
PVCI	Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	Từ ngày 04/5/2009 đến ngày 04/5/2014	11.644.698.633	-	-
Tổng cộng			725.569.621.172	545.428.588.069	259.436.590.978

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

37. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG (Tiếp theo)

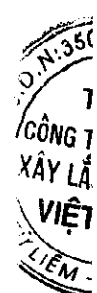
Tổng Công ty cam kết chịu trách nhiệm thanh toán cho tổ chức cho vay một khoản tiền bằng giá trị thư bảo lãnh cộng với toàn bộ các nghĩa vụ trả lãi, lãi phạt và các nghĩa vụ tài chính khác phát sinh (nếu có) ngay sau khi nhận được văn bản yêu cầu đầu tiên kèm hồ sơ chứng minh bên được bảo lãnh đã không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ (nếu có) cho tổ chức cho vay.

Tổng Công ty đã thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh với giá trị là khoảng 91 tỷ VND, ngoài ra, khoản vay do Tổng Công ty bảo lãnh đã đến hạn và quá hạn tính theo thời hạn thư bảo lãnh là khoảng 545 tỷ VND. Trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013, Tổng Công ty đã dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả cho các thư bảo lãnh nêu trên và ghi nhận vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ là khoảng 223,6 tỷ VND (năm 2012 là khoảng 35,8 tỷ VND). Tính đến thời điểm lập báo cáo này, Tổng Công ty vẫn đang đàm phán với các tổ chức cho vay về việc gia hạn thời gian trả nợ và thời gian bảo lãnh cũng như đang làm việc với các công ty được bảo lãnh để giải chấp các thư bảo lãnh.

38. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Do ảnh hưởng của những biến động trong nền kinh tế, ngành nghề hoạt động của Tổng Công ty đang chứa đựng các rủi ro về sự biến động giá thị trường của các loại nguyên vật liệu dùng cho thi công. Những thay đổi lớn về giá nguyên vật liệu thi công có thể ảnh hưởng lớn đến những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Tổng Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng sự thay đổi của thị trường cũng như ảnh hưởng của các chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ là rất khó dự đoán. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty không thể lượng hóa được ảnh hưởng của vấn đề này đối với các công trình đang thi công của Tổng Công ty. Kết quả cuối cùng sẽ chỉ được xác định khi hoàn thành thi công, và nghiệm thu bàn giao cho các chủ đầu tư.

Ngày 28 tháng 9 năm 2009, Tổng Công ty đã ký hợp đồng xây dựng công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 với Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam theo Hợp đồng số 280909/LILAMA-PVC với tổng giá trị trọn gói là khoảng 1.322 tỷ VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Tổng Công ty đang trong quá trình tiếp tục thực hiện dự án này. Theo Công văn số 3405/DKVN-HĐTV ngày 04 tháng 5 năm 2012 của PVN trình Thủ tướng Chính phủ về việc xử lý các phát sinh chưa lường hết của Hợp đồng EPC-Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1, do Nhà thầu chưa lường hết các rủi ro, phần việc phát sinh ngoài giá trị hợp đồng đã ký dự kiến khoảng 1.121 tỷ VND, giá trị Nhà thầu kiến nghị giải quyết là 1.042 tỷ VND và giá trị Ban QLDA kiến nghị giải quyết là 735 tỷ VND. Theo Công văn số 2060/BXD-KTXD ngày 21 tháng 11 năm 2012 của Bộ Xây dựng, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam được quyền xem xét, quyết định giá trị thanh toán phát sinh chưa lường hết được cụ thể cho các nhà thầu trên cơ sở thiết kế bản vẽ thi công, khối lượng thực tế triển khai được Chủ đầu tư phê duyệt và dự toán phát sinh được các đơn vị tư vấn có chức năng lập, thẩm tra nhưng không được vượt quá giá trị Tổng mức đầu tư Dự án đã được phê duyệt. Tập đoàn Dầu khí Việt Nam có Công văn số 9650/DKVN-XD ngày 12 tháng 12 năm 2012 gửi Tổng Công ty hướng dẫn “phương án xác định các phát sinh chưa lường hết của Hợp đồng EPC dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1” và Công văn số 859/DKVN-XD ngày 30 tháng 01 năm 2013 gửi Tổng Công ty chỉ đạo “xử lý phát sinh chưa lường hết của Hợp đồng EPC dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1”. Giá trị phần phát sinh chưa lường hết đã được thẩm tra theo Báo cáo kết quả thẩm tra số 938/VKT-TTTV ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Viện Kinh tế Xây dựng - Bộ Xây dựng về việc “Thẩm tra dự toán Phần xây dựng của các hạng mục công trình Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1” là khoảng 984 tỷ VND (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng được khấu trừ), trong đó các hạng mục xây dựng do Tổng Công ty thực hiện tăng khoảng 352 tỷ VND (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng được khấu trừ) so với giá trị hợp đồng xây lắp trọn gói Tổng Công ty đã ký. Hiện tại, Tổng Công ty đang đề nghị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính riêng này, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam vẫn chưa có quyết định đối với đề nghị của Tổng Công ty. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng chắc chắn rằng giá trị phát sinh ngoài hợp đồng sẽ được ký kết bổ sung và theo đó báo cáo tài chính riêng này chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến giá trị phát sinh ngoài hợp đồng nêu trên.



00
G T
M H
ITI
NA
TP

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAMTầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***38. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)**

Tổng Công ty đã ký hợp đồng xây lắp trọn gói với Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí để xây dựng Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc với giá trị là 50.098.000 USD. Do có thay đổi trong thiết kế, theo Báo cáo kết quả thẩm tra số 1545/VKT-TTTV của Viện Kinh tế Xây dựng - Bộ Xây dựng ngày 19 tháng 12 năm 2011 về việc “Thẩm tra dự toán Công trình Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc”, tổng giá trị dự toán của dự án sẽ tăng thêm với số tiền 13.997.999 USD (giá trị sau khi thẩm tra dự án là 64.095.999 USD) so với giá trị theo hợp đồng trọn gói Tổng Công ty đã ký. Tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính riêng này, dự án đang tạm dừng triển khai. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã đánh giá một cách thận trọng rằng giá trị dở dang của công trình Ethanol không thể thu hồi được và đã trích lập dự phòng giảm giá chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của công trình Ethanol tại công ty con (Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN) và Công ty Cổ phần Thi công cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME)) với số tiền khoảng 331 tỷ VND vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ trên báo cáo của các công ty con và trích lập dự phòng đầu tư vào PVC-HN trên báo cáo tài chính riêng này.

39. SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ

Ngày 15 tháng 7 năm 2013, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty có Quyết định số 507/QĐ-XLKD về việc thành lập Chi nhánh Xây lắp Công trình Dầu khí phía Bắc - Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.

Ngày 28 tháng 8 năm 2013, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) có Nghị quyết số 6096/NQ-DKVN về việc chấp thuận phân vốn huy động thêm để Tổng Công ty góp tăng vốn điều lệ vào Công ty Cổ phần Xi măng Dầu khí Nghệ An làm vốn đối ứng tại dự án Nhà máy xi măng Dầu khí 12/9. Theo đó, PVN chấp thuận Tổng Công ty nhận lại 7.053.500 cổ phần, chiếm tỷ lệ 35,3% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Xi măng Dầu khí Nghệ An, đã chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (PVNC). Đồng thời, PVN cũng chấp thuận chủ trương để Tổng Công ty góp tăng vốn điều lệ vào Công ty Cổ phần Xi măng Dầu khí Nghệ An làm vốn đối ứng tại dự án Nhà máy xi măng Dầu khí 12/9 với số tiền không vượt quá 100,396 tỷ VND (trong trường hợp các cổ đông khác không tham gia góp vốn). Ngày 16 tháng 9 năm 2013, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty ra Nghị quyết số 703/NQ-XLKD về việc chấp thuận nhận chuyển nhượng lại 7.053.500 cổ phần của PVNC tại Công ty Cổ phần Xi măng Dầu khí Nghệ An với giá nhận chuyển nhượng không cao hơn 10.667,2 VND/cổ phần.

Theo Quyết định số 2334a/QĐ-DKVN ngày 20 tháng 9 năm 2013 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) về việc phê duyệt phương án tái cơ cấu Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam giai đoạn 2012 - 2015, các doanh nghiệp Tổng Công ty tiếp tục nắm giữ tối thiểu 51% vốn điều lệ trong giai đoạn năm 2013 - 2015 gồm: Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Bắc (trên cơ sở sáp nhập/hợp nhất/tổ chức lại các công ty xây lắp khu vực miền Bắc), Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (trên cơ sở sáp nhập/hợp nhất/tổ chức lại các công ty xây lắp khu vực miền Trung), Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Nam (trên cơ sở sáp nhập/ hợp nhất/tổ chức lại các công ty xây dựng khu vực miền Nam), Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT), Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS) và Công ty Cổ phần Xi măng Dầu khí Nghệ An (tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013, Tổng Công ty chưa thực hiện đầu tư vào công ty này). Đồng thời, Hội đồng Thành viên PVN cũng thống nhất chủ trương thoái hết vốn/giải thể/sáp nhập/phá sản trong giai đoạn 2013 - 2015 các đơn vị: Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh, Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (PVC-Đông Đô), Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC Land), Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (PVC-Petroland), Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Dầu khí Phú Đạt (PVC-Phú Đạt), Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME), Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN), Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (PVC-Duyên Hải) và các khoản đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư tài chính dài hạn khác của Tổng Công ty. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang trong quá trình thực hiện quyết định nêu trên.

1102365
TỔNG
CỔ PHẢ
DẦU KH
VIỆT
NAM
TP. HÀ

1102365
TỔNG
CỔ PHẢ
DẦU KH
VIỆT
NAM
TP. HÀ

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)


MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo


40. SỐ LIỆU SO SÁNH

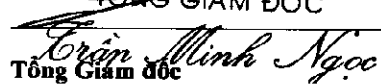
Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên báo cáo tài chính riêng đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012.


Nguyễn Chí Lưu Hải

Ngày 30 tháng 9 năm 2013


Lưu Đức Hoàng
Kế toán trưởng


Trần Minh Ngọc
Tổng Giám đốc



TỔNG GIÁM ĐỐC